



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI MỘT SỐ NHNN CHI NHÁNH KHU VỰC NAM TRUNG BỘ NĂM 2023

(Đính kèm Thông báo số 72 /TB-NHNN ngày 23/02/2024 của Ngân hàng Nhà nước)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS5005	Đỗ Nhật Nam	07-8-1993		CV TTGSNH	CN Bình Định		70	70	Trúng tuyển
2	TTGS5015	Đoàn Minh Tuấn	22-03-1990		CV TTGSNH	CN Bình Định		65	65	
3	TTGS5012	Lê Văn Thường	09-04-1992		CV TTGSNH	CN Bình Định		62	62	
4	TTGS5010	Nguyễn Thị Kim Thi		20-10-1992	CV TTGSNH	CN Bình Định		60	60	
5	TTGS5013	Nguyễn Thảo Trang		20-12-1993	CV TTGSNH	CN Bình Định		60	60	
6	TTGS5014	Hà Nguyễn Minh Tuấn	22-06-2000		CV TTGSNH	CN Bình Định		60	60	
7	TTGS5004	Bùi Thị Hiền My		31-12-1995	CV TTGSNH	CN Bình Định		59	59	
8	TTGS5006	Nguyễn Thanh Nữ		30-01-2000	CV TTGSNH	CN Bình Định		50	50	
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH ĐẮK LẮK: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS5021	Nguyễn Thị Ngọc Linh		01-01-2000	CV TTGSNH	CN Đắk Lắk		72	72	Trúng tuyển
2	TTGS5017	Nguyễn Thị Diệp		26-07-1992	CV TTGSNH	CN Đắk Lắk		69	69	
3	TTGS5018	Cao Hoàng Hiệp	01-06-1996		CV TTGSNH	CN Đắk Lắk		69	69	
4	TTGS5024	Đoàn Thị Hồng Nhung		22-09-1994	CV TTGSNH	CN Đắk Lắk		68	68	
5	TTGS5025	Đặng Thị Hoài Thương		02-06-1990	CV TTGSNH	CN Đắk Lắk		68	68	
6	TTGS5026	Nguyễn Thị Phương Thủy		12-04-1993	CV TTGSNH	CN Đắk Lắk		68	68	
7	TTGS5022	Nguyễn Trần Ánh Minh		27-12-1986	CV TTGSNH	CN Đắk Lắk		66	66	
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS5028	Bùi Thị Trung Anh		17-11-1994	CV TTGSNH	CN Đắk Nông		75	75	Trúng tuyển
2	TTGS5029	Nguyễn Thị Kim Chi		08-03-1997	CV TTGSNH	CN Đắk Nông		70	70	
3	TTGS5031	Lê Thị Thu Huyền		23-12-2001	CV TTGSNH	CN Đắk Nông		68	68	
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH GIA LAI: 01 chỉ tiêu CV Hoạch định & Thực thi CSTT										
1	CSTT5004	Huỳnh Thị Kim Nhi		13-08-1986	CV HD & Thực thi CSTT	CN Gia Lai		70	70	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHÁNH HÒA: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS5036	Nguyễn Minh Thu Hương		26-01-1991	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		78	78	Trúng tuyển
2	TTGS5035	Huỳnh Tấn Đạt	20-05-1992		CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		76	76	
3	TTGS5050	Nguyễn Thị Thùy Vân		02-09-1990	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		75	75	
4	TTGS5043	Đỗ Trần Như Thảo		18-11-1983	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		74	74	
5	TTGS5046	Nguyễn Thị Minh Tiến		06-12-1993	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		73	73	
6	TTGS5039	Cao Thị Mỹ Linh		01-09-1991	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		70	70	
7	TTGS5041	Huỳnh Thùy Linh		05-03-1992	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		68	68	
8	TTGS5037	Ngô Thị Thu Hương		16-06-1988	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		66	66	
9	TTGS5044	Nguyễn Võ Phương Thảo		26-04-2001	CV TTGSNH	CN Khánh Hòa		65	65	
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KON TUM: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS5061	Đặng Thị Thùy Trang		22-03-1988	CV TTGSNH	CN Kon Tum		78	78	Trúng tuyển
2	TTGS5057	Ngô Lê Nhung		05-03-1997	CV TTGSNH	CN Kon Tum		76	76	
3	TTGS5051	Nguyễn Thị Ngọc Anh		07-05-1990	CV TTGSNH	CN Kon Tum		74	74	
4	TTGS5056	Đặng Thị Bích Ngọc		01-05-1991	CV TTGSNH	CN Kon Tum		74	74	
NHNN CHI NHÁNH LÂM ĐỒNG: 01 chỉ tiêu CV Hoạch định & Thực thi CSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	CSTT5008	Trần Quốc Khánh	12-07-1993		CV HD & Thực thi CSTT	CN Lâm Đồng		72	72	Trúng tuyển
2	CSTT5011	Triệu Liên Sáu		14-04-1997	CV HD & Thực thi CSTT	CN Lâm Đồng	5	65	70	
3	CSTT5009	Nguyễn Hoàng Thục Loan		26-09-1993	CV HD & Thực thi CSTT	CN Lâm Đồng		67	67	
4	CSTT5010	Đinh Thị Tuyết Mai		15-02-1989	CV HD & Thực thi CSTT	CN Lâm Đồng	5	61	66	
5	CSTT5007	Bùi Quốc Khải	17-02-1998		CV HD & Thực thi CSTT	CN Lâm Đồng		60	60	
6	CSTT5012	Nguyễn Thị Thu Thảo		10-07-1991	CV HD & Thực thi CSTT	CN Lâm Đồng		58	58	
7	TTGS5063	Nguyễn Thị Kim Hiếu		17-10-1996	CV TTGSNH	CN Lâm Đồng		70	70	Trúng tuyển
8	TTGS5068	Hà Kim Thành	19-09-1992		CV TTGSNH	CN Lâm Đồng		68	68	
9	TTGS5066	Nguyễn Thị Hải Sâm		13-05-1988	CV TTGSNH	CN Lâm Đồng		65	65	



Handwritten signature or mark.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NHNN CHI NHÁNH NINH THUẬN: 01 chỉ tiêu CV Hoạch định & Thực thi CSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	CSTT5014	Nguyễn Trung Kha	28-09-1999		CV HD & Thực thi CSTT	CN Ninh Thuận		70	70	Trúng tuyển
2	TTGS5082	Ngô Thị Minh Trúc		08-11-1999	CV TTGSNH	CN Ninh Thuận		70	70	Trúng tuyển
3	TTGS5074	Trần Thị Hồng Lan		15-08-1993	CV TTGSNH	CN Ninh Thuận		68	68	
4	TTGS5080	Dương Thị Thùy Trang		03-04-1990	CV TTGSNH	CN Ninh Thuận		65	65	
5	TTGS5072	Hán Ngọc Bảo Gia	27-08-1989		CV TTGSNH	CN Ninh Thuận	5	59	64	
6	TTGS5069	Quảng Nữ Diệu Ái		26-04-1994	CV TTGSNH	CN Ninh Thuận		60	60	
7	TTGS5071	Đặng Dương	16-09-1988		CV TTGSNH	CN Ninh Thuận		48	48	
NHNN CHI NHÁNH PHÚ YÊN: 01 chỉ tiêu CV Hoạch định & Thực thi CSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	CSTT5024	Trần Việt Khoa	06-04-1992		CV HD & Thực thi CSTT	CN Phú Yên		70	70	Trúng tuyển
2	CSTT5028	Nguyễn Thị Kiều Nhi		15-11-1992	CV HD & Thực thi CSTT	CN Phú Yên		65	65	
3	CSTT5023	Nguyễn Thị Mỹ Hương		19-07-1991	CV HD & Thực thi CSTT	CN Phú Yên		64	64	
4	CSTT5022	Nguyễn Thị Thanh Huệ		02-05-1989	CV HD & Thực thi CSTT	CN Phú Yên		61	61	
5	CSTT5027	Lê Vũ Trang Nhi		05-02-1999	CV HD & Thực thi CSTT	CN Phú Yên		57	57	
6	TTGS5092	Nguyễn Thị Kim Oanh		03-02-1988	CV TTGSNH	CN Phú Yên	5	70	75	Trúng tuyển
7	TTGS5093	Trần Thị Xuân Quỳnh		10-12-1999	CV TTGSNH	CN Phú Yên		65	65	
8	TTGS5085	Đặng Thị Duyên		20-11-1990	CV TTGSNH	CN Phú Yên		63	63	
9	TTGS5100	Lê Nữ Quỳnh Trang		08-12-1993	CV TTGSNH	CN Phú Yên		63	63	
10	TTGS5095	Nguyễn Mai Thảo		25-04-1990	CV TTGSNH	CN Phú Yên		62	62	
11	TTGS5101	Nguyễn Phú Yên		30-03-1989	CV TTGSNH	CN Phú Yên		60	60	
12	TTGS5096	Võ Thị Thanh Thảo		24-06-1988	CV TTGSNH	CN Phú Yên		59	59	
13	TTGS5088	Lê Thị Trúc Ly		27-02-1992	CV TTGSNH	CN Phú Yên		58	58	
14	TTGS5090	Lê Thị Mỹ Nhật		28-05-1999	CV TTGSNH	CN Phú Yên		55	55	
15	TTGS5094	Đỗ Hiền Thanh		02-04-1999	CV TTGSNH	CN Phú Yên		55	55	
16	TTGS5084	Nguyễn Bích Chiêu		07-11-2001	CV TTGSNH	CN Phú Yên				Vắng